

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Độc hiểu	Thơ song thất lục bát	4			2		2			8
Tỉ lệ % điểm			20			15		15			50
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)		1*		1*		1*		1*	1
Tỉ lệ% điểm				20		10		10		10	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức			40		25		25		10		100

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ song thất lục bát	Nhận biết: - Thể thơ - Đặc trưng của thể thơ - Nghĩa của từ Hán Việt Thông hiểu: - Biện pháp tu từ - Nội dung của bài thơ Vận dụng: - Cảm nhận về nhân vật - Nhận thức về thông điệp khi đọc văn bản.	4 TN	2TL	2TL	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên). - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết(con người trong mối quan hệ với tự nhiên). Thông hiểu: - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.	1*	1*	1*	1TL*

		- Trình bày được các giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Phương thức biểu đạt: Nghị luận kết hợp tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Vận dụng các kĩ năng, thao tác lập luận một cách nhuần nhuyễn, linh hoạt. Vận dụng cao: - Thể hiện sâu sắc quan điểm cá nhân trong bài viết về vấn đề xã hội. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.				
Tỉ lệ %			40	25	25	10
Tỉ lệ chung			65		35	

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm 02 trang)

I. ĐỌC - HIỂU (5.0 điểm):

Đọc bài thơ sau:

NHỚ ƠN CHA MẸ

(1)

Ngày tháng bảy mưa rơi lớt thướt
Chạnh lòng con suốt suốt canh thâu
Mẹ cha giờ khuất nơi đâu
Dương gian hay cõi thâm sâu ngút ngàn.

(2)

Đêm trở gió bàng hoàng tỉnh giấc
Nhớ công ơn chắt ngát lòng đau
Mẹ cha khuất bóng đã lâu
Con chưa đền đáp ơn sâu cửu trùng.

(3)

Nhớ cái thuở bần cùng cạn kiệt
Cha đảm đương mãi miết vườn rau
Cơm canh khoai sắn bên nhau
Chắt chiu ngày tháng mong cầu vươn lên.

(4)

Thời gian vững lòng bền cha bước
Lên tỉnh thành sau trước lo toan
Đàn con sấm sập hiền ngoan
Mẹ thay cha dạy bảo ban con khôn.

(5)

Rồi đến lúc con thơ đã lớn
Bỏ mẹ cha về chốn phồn hoa
Đứa an phận đứa bôn ba
Xót xa con trẻ lệ nhòa đêm thâu.

(6)

Khi con đã bắt đầu ổn định
Thì mẹ cha thân tịnh bất an
Mẹ đi về chốn mây ngàn
Cha thương nhớ mẹ võ vàng theo sau.

(7)

Con chưa kịp ơn sâu đền đáp
Chỉ mong sao pháp luật nhiệm màu
Mẹ cha thoát cảnh khổ đau...
Luân hồi sanh tử nguyện cầu vãng sanh.

(Tác giả: Hoàng Mai)

Thực hiện các yêu cầu:

***Thí sinh chọn một phương án đúng và ghi vào giấy làm bài (Ví dụ: 1A, 2D...)**

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do.

B. Bảy chữ.

C. Lục bát.

D. Song thất lục bát.

Câu 2: “Chín tầng cao xa ở trên trời” là nghĩa của từ Hán Việt nào sau đây?

A. Cửu trùng

B. Sanh tử.

C. Luân hồi.

D. Vãng sanh.

Câu 3: Quy định về thi luật của thể thơ được sử dụng trong bài thơ trên thì thanh điệu có định ở câu lục tại các vị trí tiếng 2, 4 và 6 là gì?

A. Trắc – bằng – trắc.

B. Bằng – trắc – bằng.

C. Bằng – trắc – trắc.

D. Trắc – bằng – bằng.

Câu 4: Các tiếng nào được gieo vần lưng (yêu vận) ở khổ thơ (1) và (2) trong bài thơ trên?

A. Mướt, thướt, cồi.

B. Mướt, đáp, đau.

C. Mướt, đau, ngất.

D. Mướt, sâu, ngất.

** Trả lời các câu hỏi/ yêu cầu sau:*

Câu 5 (0.5 điểm): Cho biết tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh được sử dụng trong bài thơ?

Câu 6 (1.0 điểm): Nêu nội dung chính của bài thơ?

Câu 7 (0.5 điểm): Đọc bài thơ em cảm nhận được gì về tình cảm của người con?

Câu 8 (1.0 điểm): Bài thơ đã gọi cho những người làm con nhiều thông điệp có ý nghĩa. Em hãy viết ra thông điệp mà em tâm đắc nhất?

II. VIẾT (5.0 điểm):

Hiện nay con người đang phải đối diện với vấn đề ô nhiễm nguồn nước trầm trọng. Là chủ nhân tương lai của đất nước, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề trên./.

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

* HSKT chỉ cần làm từ câu 1 đến câu 4 (mỗi câu đúng ghi 1.0 điểm), khuyến khích làm các câu còn lại (phần đọc- hiểu); phần Viết, chỉ yêu cầu viết đoạn văn (5 đến 7 dòng) nêu hiểu biết của em về vấn đề nghị luận (ghi tối đa 2.5 điểm).

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Trắc nghiệm khách quan (2.0 điểm):

Câu	Trả lời	Điểm
1	D	0,5
2	A	0,5
3	B	0,5
4	D	0,5

Trắc nghiệm tự luận (3.0 điểm):

Câu	Trả lời	Điểm
5	- Tránh cảm giác đau buồn, mất mát. - Thể hiện nỗi xót thương của người con.	0.25 0.25
6	Nội dung chính của bài thơ: Bài thơ ca ngợi công ơn sinh thành và nuôi dưỡng của cha mẹ. Đồng thời thể hiện sự biết ơn và lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ. <i>*HS có thể có cách diễn đạt khác, GK linh hoạt ghi điểm.</i>	1.0
7	Cảm nhận về tình cảm của người con: Biết yêu thương, thấu hiểu sự hi sinh của cha mẹ đối với con cái. Và rất có hiếu với ba mẹ. <i>*HS có thể có cách diễn đạt khác, GK linh hoạt ghi điểm.</i>	0.5
8	Học sinh viết ra những thông điệp mà em tâm đắc nhất (02 thông điệp đúng). (Mỗi thông điệp đúng 0.5 điểm).	1.0

II. VIẾT(5.0điểm):

1. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)	0,5
2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Con người trong mối quan hệ với tự nhiên - bảo vệ nguồn nước.	0,5
3. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, nêu sự cần thiết của việc bàn luận vấn đề. b. Thân bài: - Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề. HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau một cách linh hoạt. Sau đây là vài gợi ý chính: + Luận điểm 1: Giải thích: Thế nào là nguồn nước bị ô nhiễm? + Luận điểm 2: Thực trạng: + Luận điểm 3: Nguyên nhân:... + Luận điểm 4: Hậu quả:..... + Luận điểm 5: Nêu ý kiến trái chiều và phản bác:..... + Luận điểm 6: Đề xuất giải pháp có tính khả thi:.... + Luận điểm 7: Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân.... c. Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra.	1,5
3. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Giải thích được thế nào là nguồn nước bị ô nhiễm? - Triển khai được ít nhất một luận điểm về thực trạng, nguyên nhân, tác hại của hiện tượng ô nhiễm nguồn nước, thiếu nước sạch; một ý kiến trái chiều, phản bác và có đề xuất được một vài biện pháp có tính khả thi. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lý lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục từ thực tiễn cuộc sống.	1,5
4. Diễn đạt: đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,5
5. Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0.5